

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 20/4/2026

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - CAO BẰNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Mai

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Văn Long

2. Bà Hoàng Thị Gấm

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đinh Thị Châm – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cao Bằng

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Cao Bằng tham gia phiên tòa:*** Bà Lý Mai Hoa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 33/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2025 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2026/QĐXX-ST ngày 26 tháng 3 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2026/QĐ-TA ngày 16 tháng 4 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cao Bằng giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông Hoàng Đức V – sinh năm 1983.

Số CCCD: 004083001611, cấp ngày: 04/06/2023, nơi cấp: Bộ C1.

Nơi cư trú: T, xã T, tỉnh Cao Bằng. Có mặt tại phiên tòa.

- ***Bị đơn:*** Bà Nông Thị Đ – sinh năm 1982.

Số CCCD: 004182001814, cấp ngày: 29/04/2021, nơi cấp: Bộ C1.

Nơi cư trú: T, xã T, tỉnh Cao Bằng. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo khởi kiện đề ngày 26/9/2025, bản tự khai, nguyên đơn ông Hoàng Đức V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Đ kết hôn ngày 07/9/2015, kết hôn tự nguyện, được tìm hiểu, không tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã V, huyện T, tỉnh Cao Bằng (nay là xã T, tỉnh Cao Bằng). Sau khi kết hôn, ông và bà Đ chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do không có tiếng nói chung, không còn tình cảm. Mâu thuẫn vợ chồng được hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không thể hàn gắn. Hai vợ chồng đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, không chung sống với nhau được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 (một) con chung là Hoàng Đình T – sinh ngày: 09/4/2015. Khi ly hôn ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình chung sống không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 07/11/2015, bị đơn bà Nông Thị Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông V kết hôn năm 2015 tại UBND xã V (nay là xã T); tổ chức đám cưới ở hai bên gia đình, hôn nhân tự nguyện có tìm hiểu. Sau khi cưới hai vợ chồng chung sống cùng bố chồng tại T, xã T, tỉnh Cao Bằng. Thời điểm đó bà và ông V đều ở nhà làm ruộng. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc hòa thuận đến năm 2021 xảy ra mâu thuẫn do ông V có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác, chỉ thỉnh thoảng gửi tiền cho con ăn học, ông V không chăm sóc gia đình, không về nhà từ năm 2021. Khi đó bà có nhắn tin chửi ông V những câu nặng nề. Đến năm 2024 gia đình thuộc diện được đền bù giải phóng mặt bằng ông V mới về nhà để nhận tiền, sau đó ông V khác làm một cái lán để ở riêng. Khi về ông Vĩnh đuổi bà ra khỏi nhà, vứt đồ đạc trong nhà, đốt quần áo của bà. Không những thế còn thường xuyên đánh đập, nhốt con một mình trong lán, chỉ mua đồ ăn về để con tự ăn chứ không quan tâm chăm sóc và cấm bà gặp con. Bà và ông V sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Mâu thuẫn giữa bà và ông V chưa được hòa giải. Đối với yêu cầu ly hôn của ông Vĩnh B không nhất trí vì muốn con có đủ cả bố và mẹ cùng nhau chăm sóc con cái, xây dựng gia đình hơn nữa ông V đang bị bệnh.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Đình T – sinh ngày: 09/4/2015. Hiện nay đang sống với ông V tại T, xã T,

tỉnh Cao Bằng. Trường hợp ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con nếu ông V để lại tài sản cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà xác nhận tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, cháu Hoàng Đình T có ý kiến:

Cháu là Hoàng Đình T, sinh ngày: 09/4/2015. Cháu hiện tại đang học lớp 5 trường tiểu học T1. Cháu là con đẻ của mẹ Đ và bố V. Cháu hiện tại đang sống cùng bố tại T, xã T, tỉnh Cao Bằng. Nếu bố mẹ cháu không sống cùng nhau cháu có nguyện vọng sống cùng bố Hoàng Đức V.

Tại biên bản xác minh ngày 08/12/2025, bà Thị Thị N – trưởng thôn T cho biết:

Bà là trưởng thôn T từ năm 2015 cho đến nay. Hiện tại, ông V và bà Đ không chung sống với nhau, mỗi người ở một nhà. Bà Đ đầu năm 2025 đã đi làm công nhân tại khu công nghiệp, thỉnh thoảng về nhà thăm con, địa chỉ cụ thể bà Đ làm ở đâu bà không rõ. Bà không được chứng kiến bà Đ và ông Vĩnh C nhau, đánh nhau nhưng bà được nghe bà Đ kể lại cuộc sống vợ chồng hay cãi nhau, xảy ra mâu thuẫn còn mâu thuẫn từ thời điểm nào bà không rõ.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau khi kết hôn từ lúc hai vợ chồng có con thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống không cùng chí hướng để tạo lập cuộc sống. Quá trình mâu thuẫn chỉ cãi vã mà không có xô xát. Mâu thuẫn vợ chồng gia đình nội biết còn gia đình ngoại có biết không ông không rõ. Những vấn đề bà Đ trình bày là không đúng. Ông không đánh lờ đờ, không gây gổ vô cớ mỗi khi về nhà và cũng không có việc bà Đ trả nợ thay ông. Năm 2021 ông bị tai nạn giao thông khá nặng. Ông thường xuyên đi làm xa nhà tuy nhiên từ tháng 1/2024 ông đã về nhà lao động. Ông xác định tình cảm vợ chồng không còn và ông giữ nguyên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Ông yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Hoàng Đình T, không yêu cầu bà Đ cấp dưỡng nuôi con. Thu nhập hiện nay của ông khoảng 10.000.000 đồng/tháng (ông ở nhà chăn nuôi lợn, gà...). Cháu T hiện chung sống với ông tại lán (nhà tôn, quây bằng khung sắt) và ông cũng chăn nuôi tại đây còn bà Đ và mẹ ông chung sống tại nhà cấp 4 gần đó.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Ông V không phụ giúp bà nuôi con, chăm sóc con và có quan hệ ngoài hôn nhân với người phụ nữ khác. Ngoài ra, ông V còn vướng vào tệ nạn xã hội (đánh lô đề, cờ bạc). Khi ông V bị tai nạn bà đã chăm sóc và bỏ ra chi phí điều trị cho ông V là 20.000.000 đồng. Tuy nhiên, khi ông V nhận tiền đền bù giải phóng mặt bằng ông V không đưa lại cho bà số tiền này. Bà cũng được trả số tiền lô đề 20.000.000 đồng cho ông V (những số tiền này bà không có giấy tờ gì). Ông V thường xuyên gây gổ vô cớ mỗi khi về nhà và không cho bà gặp con. Bà và ông V đã ly thân từ năm 2023. Sau khi ly thân bà và ông V không liên lạc, không gặp nhau và hiện nay mỗi người ở một nơi. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng bà không đồng ý ly hôn vì thương con, bà muốn ở cùng ông V để cùng nuôi dạy con. Bà không có biện pháp gì để hàn gắn quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Trong trường hợp ly hôn bà yêu cầu được nuôi dưỡng con nếu ông V để lại tài sản cho con (nhà, ruộng đất), không yêu cầu cấp dưỡng. Hiện tại, bà làm công nhân tại công ty với lương hàng tháng là 13.000.000 đồng đã bao gồm tiền tăng ca, nếu không tăng ca thì lương hàng tháng là 10.000.000 đồng. Khi đi làm công nhân hàng tháng bà phải thuê nhà trọ. Ông V thường xuyên để con một mình tại lán không quan tâm tuy nhiên bà không có tài liệu chứng minh vấn đề này. Bà đi làm công ty từ tháng 6/2025. Trước khi bà đi làm công ty con đã ở với ông V. Hàng tháng bà không gửi tiền về nuôi con bởi ông V bảo không cần. Một tháng bà về thăm con một lần.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Cao Bằng phát biểu quan điểm:

* Việc tuân theo pháp luật:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) trong quá trình giải quyết vụ án cụ thể về việc thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát, người tham gia tố tụng.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

* Việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Hoàng Đức V.

Về con chung: Giao con chung Hoàng Đình T cho ông Hoàng Đức V trực tiếp nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con. Bà Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến trình bày của nguyên đơn, bị đơn, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về tố tụng: Ông Hoàng Đức V khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” với bà Nông Thị Đ, địa chỉ: T, xã T, tỉnh Cao Bằng. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Cao Bằng.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Ông V và bà Đ kết hôn năm 2015, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, được tìm hiểu, không tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Cao Bằng (nay là UBND xã T, tỉnh Cao Bằng). Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông V và bà Đ là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3]. Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

Ông V xác định quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, hai vợ chồng đã sống

ly thân từ năm 2021 nên yêu cầu ly hôn với bà Đ. Bà Đ cho rằng trong quá trình chung sống, ông V không phụ giúp bà nuôi con, không chăm lo gia đình. Vợ chồng chỉ chung sống hạnh phúc được 03 năm sau đó phát sinh mâu thuẫn. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay. Bà cũng không có biện pháp gì để hàn gắn quan hệ vợ chồng. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng không muốn ly hôn bởi muốn hai vợ chồng cùng chung sống để chăm sóc con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy cả ông V và bà Đ đều xác nhận quá trình chung sống hai vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn và hiện tại sống ly thân. Mặt khác, bà Đ cũng xác nhận tình cảm vợ chồng không còn và không muốn ly hôn bởi vì con chung. Như vậy, giữa ông V và bà Đ đã thực sự không còn tình cảm, cuộc sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn đã đến mức độ trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của ông V là có căn cứ chấp nhận.

[4]. Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông V và bà Đ có 01 con chung là Hoàng Đình T, sinh ngày: 09/4/2015 (giới tính: Nam).

Ông V yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng; bà Đ yêu cầu được nuôi con nếu ông V để lại tài sản cho con chung. Hội đồng xét xử xét thấy:

Về người trực tiếp nuôi con: Ông V và bà Đ đều có điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng con chung tuy nhiên xét đến điều kiện về chỗ ở, điều kiện chăm sóc và nguyện vọng của con chung cần giao con chung cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Vĩnh không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Ông V và bà Đ đều xác nhận trong quá trình chung sống không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề giải quyết.

[6]. Về án phí: Ông Vĩnh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn để sung công quỹ nhà nước. Ông V được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 – Cao Bằng.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[8]. Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

- Căn cứ Điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Đức V.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Hoàng Đức V được ly hôn với bà Nông Thị Đ.

[2]. Về con chung: Giao con chung Hoàng Đình T, sinh ngày: 09/4/2015 (giới tính: Nam) cho ông Hoàng Đức V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người đang trực tiếp nuôi con. Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều xác nhận trong quá trình chung sống không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Ông Hoàng Đức V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn để sung công quỹ nhà nước nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000124 ngày 10/10/2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 – Cao Bằng. Ông Hoàng Đức V đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 2 – Cao Bằng;
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Phòng THADS khu vực 2 – Cao Bằng;
- UBND xã Thạch An;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Quỳnh Mai